BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

342 - 372

Phòng thi: 1
Giảng đường: A5_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0810610232	Trần Đức	Thắng	31/01/2002	KA8A	01	342	8,0	01		lẻ
2	000002	0901060872	Nguyễn Công Kỳ	Anh	20/09/2003	KA9A	01	343	4,5	01	Anh	chẵn
3	000003	0901020572	Phạm Thị Vân	Anh	22/08/2003	KA9A	01	344	7,5	01	Anh	lẻ
4	000004	0901020238	Trần Thị	Báu	03/12/2003	KA9A	01	345	3,5	01	Báu	Chẵn
5	000005	0901060179	Hà Minh	Chi	24/06/2003	KA9A	01	346	6,5	01	Chi	lẻ
6	000006	0901060664	Phạm Thị	Chinh	05/05/2003	KA9A	01	347	8,0	01	Chinh	chẵn
7	000007	0901020441	Lê Thị	Chúc	24/09/2003	KA9A	01	348	6,5	01	Chúc	lẻ
8	000008	0901020060	Nguyễn Huyền	Diệu	23/11/2003	KA9A	01	349	3,5	01	Diệu	chẵn
9	000009	0901010481	Trần Trung	Đức	16/01/2003	KA9A	01	350	5,0	01	Đức	lẻ
10	000010	0901060557	Hoàng Hương	Giang	22/03/2003	KA9A	01	351	3,5	01	Giang	Chẵn
11	000011	0901060520	Bùi Bảo	Hân	12/10/2003	KA9A	01	352	6,0	01	Hân	Lẻ
12	000012	0901020020	Nguyễn Huy	Hoàng	01/01/2003	KA9A	01	353	3,0	01	Hoàng	Chẵn
13	000013	0901060667	Nguyễn Văn	Hưng	14/10/2003	KA9A	01	354	5,0	01	Hưng	lẻ
14	000014	0901060943	Nguyễn Thu	Hương	22/01/2003	KA9A	01	355	5,0	01	Hương	chẵn
15	000015	0901060221	Dương Thị Ngọc	Huyền	31/08/2003	KA9A	01	356	6,0	01	Huyền	lẻ
16	000016	0901060348	Nguyễn Ngọc	Lam	22/09/2003	KA9A	01	357	4,5	01	Lam	Chẵn
17	000017	0901030100	Giang Thị Hồng	Mai	02/06/2003	KA9A	01	358	5,0	01	Mai	lẻ
18	000018	0901060837	Nguyễn Thị	Mai	23/02/2003	KA9A	01	359	7,5	01	Mai	chẵn
19	000019	0901020925	Nguyễn Trà	My	12/07/2003	KA9A	01	360	6,5	01	My	lẻ
20	000020	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	01	361	4,0	01	Nga	chẵn
21	000021	0901060601	Phí Việt	Nhật	14/10/2003	KA9A	01	362	4,0	01	Nhật	HP lẻ
22	000022	0901060451	Phạm Thị Út	Nhi	02/08/2003	KA9A	01	363	5,5	01	Nhi	chẵn
23	000023	0901060723	Nguyễn Trí	Phong	05/12/2003	KA9A	01	364	5,5	01	Phong	lẻ
24	000024	0901060525	Đỗ Phương	Thảo	13/11/2003	KA9A	01	365	5,0	01	Thảo	chẵn
25	000025	0901060401	Đoàn Thị Thu	Thảo	10/03/2003	KA9A	01	366	7,5	01	Thảo	lẻ
26	000026	0901030063	Bùi Thị	Trang	26/02/2003	KA9A	01	367	6,5	01	Trang	chẵn
27	000027	0901060218	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	26/06/2003	KA9A	01	368	7,5	01	Trang	lẻ
28	000028	0901060575	Phạm Thu	Trang	18/09/2003	KA9A	01	369	4,5	01	Trang	chẵn
29	000029	0901060550	Ngô Hồng	Triệu	06/06/2003	KA9A	01	370	4,0	01		lẻ
30	000030	0901060742	Phùng Quang	Trường	02/11/2003	KA9A	01	371	2,0	01	Trường	chẵn
31	000031	0901020273	Nguyễn Tố	Uyên	24/09/2003	KA9A	01	372	3,5	01	Uyên	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 05 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Trần Thu Hường

Cán bộ coi thi 2

Thi Linh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 2
Giảng đường: A6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	0901060965	Đào Đức	Việt	21/12/2002	KA9A	01	282	mắt	1	Việt	Chấm
2	000033	0901030118	Nguyễn Hồng	Yến	21/11/2003	KA9A	01	283	8,0	1	Yến	lẻ
3	000034	0710210622	Phạm Thị	Ánh	15/10/2001	KD7E	01	284	7,5	1	Ánh	chẵn
4	000035	0810210469	Tô Tuấn	Anh	02/06/2001	KD8G	02	285	5,0	1	Anh	lẻ
5	000036	0810210026	Nguyễn Ngọc	Ánh	26/04/2002	KD8G	02	286	6,0	1	Ánh	chẵn
6	000037	0810210996	Lê Hoàng Hương	Giang	28/11/2002	KD8G	02	287	6,0	1	K	lẻ
7	000038	0810211145	Nguyễn Trung	Hiếu	22/12/2001	KD8G	02	288	2,5		Hiếu	chẵn
8	000039	0810211717	Bùi Duy	Hưng	19/10/2002	KD8G	02	289	7,0	1	Hưng	lẻ
9	000040	0810211178	Nông Thị Quỳnh	Mây	15/10/2002	KD8G	02	290	4,0	1	Mây	chẵn
10	000041	0810210173	Phạm Thu	Uyên	01/03/2002	KD8G	02	291	5,3	1	U	lẻ
11	000042	0901020276	Đỗ Quỳnh	Anh	24/06/2003	KD9B	02	292	8,0	2	Anh	chẵn
12	000043	0901020456	Đỗ Thị Phương	Anh	21/07/2003	KD9B	02	293	5,5	1	Anh	lẻ
13	000044	0901020566	Đỗ Thị Vân	Anh	24/12/2003	KD9B	02	294	8,0	1	Anh	chẵn
14	000045	0901020001	Hoàng Thị Lan	Anh	27/04/2003	KD9B	02	295	5,5	1	Anh	lẻ
15	000046	0901020587	Lê Hải	Anh	06/06/2003	KD9B	02	296	5,0	1	Anh	chẵn
16	000047	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD9B	02	297	6,0	1	Anh	HP7 Đi nữ
17	000048	0901080967	Phan Phương	Anh	19/11/2003	KD9B	02	298	5,5	01	Anh	chẵn
18	000049	0901020610	Trương Thị Vân	Anh	11/04/2003	KD9B	02	299	8,5	01	Anh	Lẻ
19	000050	0901030206	Vũ Minh	Anh	06/11/2003	KD9B	02	300	3,0	01	Anh	chẵn
20	000051	0901020468	Ngô Đình	Dương	14/05/2003	KD9B	02	301	7,0	01	Dương	lẻ
21	000052	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	02	302	2,5	1	Giang	Chẵn
22	000053	0901020672	Phạm Thị	Giang	25/08/2003	KD9B	02	303	7,0	01	Giang	Lẻ
23	000054	0901020391	Nguyễn Thị Thu	Hà	05/10/2003	KD9B	02	304	4,5	01	Hà	Chẵn
24	000055	0901020569	Lưu Thanh	Hằng	22/08/2003	KD9B	02	305	7,5	01	Hằng	lẻ
25	000056	0901020563	Vũ Thị Bích	Hảo	01/01/2003	KD9B	02	306	3,5	01	Hảo	Chẵn
26	000057	0901020564	Vũ Thị Minh	Hiền	01/01/2003	KD9B	02	307	8,0	01	Hiền	lẻ
27	000058	0901020510	Nguyễn Quỳnh	Hoa	16/12/2003	KD9B	02	308	5,0	1	Hoa	Chẵn
28	000059	0901020501	Nguyễn Thu	Huệ	08/11/2003	KD9B	02	309	8,3	01	Huệ	lẻ
29	000060	0901020053	Vũ Thị	Huyền	28/01/1998	KD9B	02	310	6,5	01	Huyền	Chẵn
30	000061	0901020011	Phạm Thị Phương	Lan	25/09/2003	KD9B	02	311	5,3	1	Lan	lẻ
31	000062	0901020050	Lê Phương	Linh	27/12/2003	KD9B	02	312	4,0	1	Linh	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản: 6

Ngày 31 tháng 05 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Đào Thị Hồng Xiêm

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

1.12 — 142

Phòng thi: 3
Giảng đường: A7_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	0901020858	Cù Thị Phương	Ly	11/06/2003	KD9B	02	112	5,3	01	Ly	Lẻ
2	000064	0901020741	Nguyễn Thị	Mai	12/07/2003	KD9B	02	113	6,5	01	Mai	Chẵn
3	000065	0901020024	Vũ Nhật	Minh	13/07/2003	KD9B	02	114	7,5	01	Minh	Lẻ
4	000066	0901020215	Đỗ Trà	My	01/06/2003	KD9B	02	115	4,5	01	My	Chẵn
5	000067	0901020608	Vũ Thị Kim	Ngân	08/05/2003	KD9B	02	116	6,0	01	Ngân	Lẻ
6	000068	0901020317	Lê Thị	Ngọc	28/08/2003	KD9B	02	117	5,5	01	Ngọc	chẵn
7	000069	0901010236	Đinh Thị Thùy	Nhung	22/01/2003	KD9B	02	118	2,5	01	Nhung	Lẻ
8	000070	0901020352	Đỗ Thị Lan	Phương	20/12/2003	KD9B	02	119	4,5	01	Phương	Chẵn
9	000071	0901020798	Nguyễn Quang	Quý	26/01/2003	KD9B	02	120	5,0	01	Quý	Lẻ
10	000072	0901020019	Nguyễn Văn	Thành	20/08/2002	KD9B	02	121	7,0	01	Thành	Chẵn
11	000073	0901020688	Đỗ Phương	Thảo	08/10/2003	KD9B	02	122	7,3	01	Thảo	Lẻ
12	000074	0901030814	Nguyễn Thu	Thảo	11/02/2003	KD9B	02	123	8,0	01	Thảo	Chẵn
13	000075	0901020052	Phạm Lê Thanh	Thảo	21/08/2003	KD9B	02	124	5,3	01	Thảo	Lẻ
14	000076	0901010804	Ngô Thị	Thủy	25/02/2003	KD9B	02	125	7,0	01	Thủy	Chẵn
15	000077	0901020606	Lưu Thị Kiều	Trang	21/11/2003	KD9B	02	126	7,0	01	Trang	Lẻ
16	000078	0901020250	Nguyễn Thị Huyền	Trang	21/08/2003	KD9B	02	127	4,5	01	Trang	Chẵn
17	000079	0901020480	Thạch Thị Kiều	Trang	18/09/2003	KD9B	02	128	7,0	01	Trang	Lẻ
18	000080	0901020769	Trần Thị Lan	Trinh	04/08/2003	KD9B	02	129	5,5	01	Trinh	chẵn
19	000081	0901020607	Đỗ Thị Ánh	Tuyết	21/12/2002	KD9B	02	130	6,5	01	Tuyết	Lẻ
20	000082	0901020081	Ngô Thị	Vân	20/10/2003	KD9B	02	131	8,0	01	Vân	Chẵn
21	000083	0901030040	Phạm Hải	Yến	06/05/2003	KD9B	02	132	4,5	01	Yến	Lẻ
22	000084	0901020531	Lê Ngọc	Anh	30/09/2003	KD9C	03	133	5,3	01	Anh	Chẵn
23	000085	0901020229	Nguyễn Phương	Anh	02/09/2003	KD9C	03	134	5,3	01	Anh	Lẻ
24	000086	0901020231	Nguyễn Phương	Anh	29/12/2003	KD9C	03	135	8,0	01	Anh	chẵn
25	000087	0901020429	Nguyễn Thị Phương	Anh	13/03/2003	KD9C	03	136	5,5	01	Anh	Lẻ
26	000088	0901020855	Nguyễn Thị Vân	Anh	28/11/2003	KD9C	03	137	5,5	01	Anh	Chẵn
27	000089	0901020251	Chu Thị Ngọc	Ánh	23/08/2003	KD9C	03	138	5,0	01	Ánh	lẻ
28	000090	0901020839	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	27/10/2003	KD9C	03	139	2,5	01	Chi	Chẵn
29	000091	0901020193	Nguyễn Minh	Đức	09/02/2003	KD9C	03	140	4,5	01	Đức	Lẻ
30	000092	0901020548	Nguyễn Tiến	Dũng	01/10/2003	KD9C	03	141	6,5	01	Dũng	Chẵn
31	000093	0901020623	Nguyễn Thùy	Dương	01/04/2003	KD9C	03	142	4,5	01	Dương	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Vũ Tiến Thắng

Cán bộ coi thi 2

Hồ Thị Tâm

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

143_152

Phòng thi: 4
Giảng đường: A8_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000094	0901020045	Nguyễn Thị Hà	Giang	10/03/2003	KD9C	03	143	5,0	01	Giang	Chẵn
2	000095	0901020116	Nguyễn Thu	Hà	24/05/2003	KD9C	03	144	6,0	01	Hà	lẻ
3	000096	0901020035	Vũ Thúy	Hiền	23/10/2003	KD9C	03	145	5,5	01	Hiền	Chẵn
4	000097	0901020738	Tạ Thị	Hoa	04/06/2003	KD9C	03	146	6,5	01	Hoa	Lẻ
5	000098	0901020638	Khuất Duy	Hưng	13/12/2003	KD9C	03	147	3,5	01	Hưng	chẵn
6	000099	0901020357	Phan Thị Quỳnh	Hương	21/11/2003	KD9C	03	148	8,3	01	Hương	lẻ
7	000100	0901020172	~~Vũ Thanh~~	~~Hương~~	~~09/07/1997~~	~~KD9C~~	~~03~~					HP,ĐK
8	000101	0901020345	Trần Quốc	Huy	19/04/2001	KD9C	03	149	7,0	01	Huy	Lẻ
9	000102	0901020811	Nguyễn Thị	Lành	20/02/2003	KD9C	03	150	5,0	01	Lành	chẵn
10	000103	0901010097	Ngô Diệu	Linh	06/12/2003	KD9C	03	151	6,5	01	Linh	lẻ
11	000104	0901020726	Nguyễn Thị Thùy	Linh	26/03/2003	KD9C	03	152	6,5	01	Linh	Chẵn
12	000105	0901020516	Phạm Thị Hiền	Lương	25/08/2003	KD9C	03	153	8,5	01	Lương	lẻ
13	000106	0901020368	Nguyễn Thị Hồng	Mai	11/08/2003	KD9C	03	154	2,0	01	Mai	Chẵn
14	000107	0901020448	Nguyễn Thị	Mùi	28/12/2003	KD9C	03	155	8,3	01	Mùi	lẻ
15	000108	0901020625	Hà Kim	Ngân	08/04/2003	KD9C	03	156	9,0	02	Ngân	Chẵn
16	000109	0901030105	Bùi Minh	Nghĩa	23/12/2003	KD9C	03	157	5,5	01	Nghĩa	Lẻ
17	000110	0901020201	Nguyễn Hồng	Ngọc	02/02/2003	KD9C	03	158	2,5	01	Ngọc	Chẵn
18	000111	0901020319	Phạm Hồng	Nhung	09/01/2003	KD9C	03	159	3,0	01	Nhung	lẻ
19	000112	0901020655	Hà Thu	Phương	17/12/2003	KD9C	03	160	3,0	01	Phương	Chẵn
20	000113	0901020576	Nguyễn Thị Minh	Phương	12/05/2003	KD9C	03	161	7,0	01	Phương	lẻ
21	000114	0901020696	Vũ Mai	Phương	14/06/2003	KD9C	03	162	3,3	01	Phương	Chẵn
22	000115	0901020758	Nguyễn Thị	Quý	28/07/2003	KD9C	03	163	8,3	01	Quý	lẻ
23	000116	0901020298	Nguyễn Bùi Trúc	Quỳnh	03/12/2003	KD9C	03	164	2,5	01	Quỳnh	chẵn
24	000117	0901020476	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	26/10/2003	KD9C	03	165	9,0	01	Tâm	lẻ
25	000118	0901020187	Phạm Phương	Thảo	26/12/2003	KD9C	03	166	7,5	01	Thảo	Chẵn
26	000119	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	03	167	7,0	01	Trang	lẻ
27	000120	0901020311	Lê Thị Quỳnh	Trang	05/06/2003	KD9C	03	168	3,5	01	Trang	chẵn
28	000121	0901020559	Trần Quỳnh	Trang	23/01/2003	KD9C	03	169	5,5	01	Trang	Lẻ
29	000122	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	03	170	3,0	01	Trang	Chẵn
30	000123	0901020381	Lê Thanh	Trúc	17/06/2003	KD9C	03	171	5,0	01	Trúc	lẻ
31	000124	0901020168	Trần Khánh	Vân	02/12/2003	KD9C	03	172	5,0	01	Vân	Chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 31
Tổng số tờ giấy thi: 31
Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thanh Hà

Cán bộ coi thi 2

Trương Thị Biếu

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

373 - 401

Phòng thi: 5
Giảng đường: A11_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản 2

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000125	0901020847	Nguyễn Thị	Xuyến	06/08/2003	KD9C	03	373	9,5	01	Xuyến	lẻ
2	000126	0901030044	Phạm Thị	Yến	04/11/2003	KD9C	03	374	4,2	01	Yến	chẵn
3	000127	0901020359	Lỗ Thị Mai	Anh	02/11/2003	KD9D	04	375	7,5	01	Anh	lẻ
4	000128	0901020906	Nguyễn Thị Lan	Anh	14/07/2003	KD9D	04	376	5,0	01	Anh	chẵn
5	000129	0901020942	Nguyễn Thị Quế	Anh	11/12/2003	KD9D	04	377	7,0	01	Anh	lẻ
6	000130	0901020720	Nguyễn Thị Trâm	Anh	17/12/2003	KD9D	04	378	3,2	01	Anh	chẵn
7	000131	0901070716	Nguyễn Vũ Hà	Anh	23/10/2003	KD9D	04	379	8,0	01	Anh	lẻ
8	000132	0901020027	Phạm Hà Lan	Anh	25/12/2003	KD9D	04	380	4,8	01	Anh	chẵn
9	000133	0901020263	Phạm Lan	Anh	01/11/2003	KD9D	04	381	7,0	01	Anh	lẻ
10	000134	0901020449	Đỗ Thị	Ánh	11/02/2003	KD9D	04	383	7,5	01	Ánh	chẵn
11	000135	0901020657	Phạm Linh	Chi	27/12/2003	KD9D	04	384	6,5	01	Chi	lẻ
12	000136	0901020593	Nguyễn Thành	Công	24/09/2003	KD9D	04	382	6,0	01	Công	chẵn
13	000137	0901020016	Phạm Thành	Đạt	01/08/2003	KD9D	04	385	6,8	01	Đạt	lẻ
14	000138	0901020143	Nguyễn Quang	Duy	20/04/2003	KD9D	04	386	5,0	01	Duy	chẵn
15	000139	0901020643	Chu Thị Thu	Hà	21/03/2003	KD9D	04	387	7,8	01	Hà	lẻ
16	000140	0901020689	Nguyễn Thu	Hà	26/06/2003	KD9D	04	388	8,4	01	Hà	chẵn
~~17~~	~~000141~~	~~0901020902~~	~~Phạm Ngọc~~	~~Hà~~	~~09/10/2003~~	~~KD9D~~	~~04~~					ĐK
18	000142	0901030207	Ngô Minh	Hiển	30/05/2003	KD9D	04	389	4,5	01	Hiển	chẵn
19	000143	0901010427	Ngô Minh	Hiếu	20/10/2003	KD9D	04	390	6,5	01	Hiếu	lẻ
20	000144	0901020959	Vũ Thị Thanh	Hoa	25/01/2003	KD9D	04	391	7,2	01	Hoa	chẵn
21	000145	0901020630	Vũ Thị	Hòa	01/12/2002	KD9D	04	392	8,5	01	Hoà	lẻ
~~22~~	~~000146~~	~~0901020344~~	~~Nguyễn Quang~~	~~Hưng~~	~~28/09/2003~~	~~KD9D~~	~~04~~					HP.ĐK
23	000147	0901020628	Hoàng Thu	Hường	27/09/2003	KD9D	04	393	8,5	01	Hường	lẻ
24	000148	0901020815	Dương Minh	Huyền	01/06/2003	KD9D	04	394	2,0	01	Huyền	chẵn
25	000149	0901020619	Trần Tú	Loan	28/11/2003	KD9D	04	395	7,5	01	Loan	lẻ
26	000150	0901020162	Lê Thị Khánh	Ly	03/08/2003	KD9D	04	396	4,5	01	Ly	chẵn
27	000151	0901020668	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/10/2003	KD9D	04	397	8,5	01	Mai	lẻ
28	000152	0901020384	Dương Thị Yến	My	28/01/2003	KD9D	04	398	3,5	01	My	chẵn
29	000153	0901020694	Hoàng Khánh	Ngân	15/07/2003	KD9D	04	399	7,5	01	Ngân	lẻ
30	000154	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	04	400	4,0	1	Ngọc	chẵn
31	000155	0901020440	Lê Thị Ngọc	Như	14/07/2003	KD9D	04	401	8,5	1	Như	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 05 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Thu

Cán bộ coi thi 2

Đinh Thị Luyến

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

253-281

Phòng thi: 6
Giảng đường: A12_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000156	0901040934	Lê Thị Kiều	Oanh	10/07/2003	KD9D	04	253	3.5	1	Oanh	
2	000157	0901020514	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/02/2003	KD9D	04	254	7.5	1	Phương	
3	000158	0901020182	Cao Thúy	Quỳnh	21/10/2002	KD9D	04	255	4.5	1	Quỳnh	
4	000159	0901030031	Nguyễn Như	Quỳnh	17/10/2003	KD9D	04	256	4.3	1	Quỳnh	
5	000160	0901020580	Hà Thị Phương	Thảo	04/10/2002	KD9D	04	257	8.0	2	Thảo	
6	000161	0901020454	Nguyễn Thanh	Thảo	28/09/2003	KD9D	04	258	7.8	1	Thảo	
7	000162	0901020519	Phạm Thanh	Thảo	09/08/2003	KD9D	04	259	4.5	1	Thảo	
8	000163	0901070083	Phạm Thị Thanh	Thảo	23/08/2003	KD9D	04	260	7.0	1	Thảo	
9	000164	0901010676	Nguyễn Thị Hà	Thu	28/10/2003	KD9D	04	261	6.5	1	Thu	
10	000165	0901020808	Đường Thị Minh	Thư	06/09/2003	KD9D	04	262	7.3	1		
11	000166	0901020422	Bùi Thị	Thương	11/12/2003	KD9D	04	263	8.5	1	Thương	
12	000167	0901020521	Lê Thị Thuỳ	Trang	15/02/2003	KD9D	04	264	5.5	1	Trang	
13	000168	0901020378	Trần Thị Thùy	Trang	08/05/2003	KD9D	04	265	4.3	1	Trang	
14	000169	0901020729	Lương Đức	Trung	07/11/2003	KD9D	04	266	7.3	1	Trung	
15	000170	0901020966	Phan Thị Tâm	Tuệ	21/03/2003	KD9D	04					HP,ĐK
16	000171	0901030079	Trần Thị	Vân	01/03/2002	KD9D	04	267	4.3	1	Vân	
17	000172	0901020663	Đỗ Thị Thúy	An	22/05/2003	KD9E	05	268	1.8	1	An	
18	000173	0901010076	Lương Hoàng	Anh	26/09/2003	KD9E	05	269	5.5	1	Anh	
19	000174	0901020733	Nguyễn Thị Kiều	Anh	22/11/2003	KD9E	05	270	2.6	1	Anh	
20	000175	0901020324	Phạm Ngọc	Anh	18/09/2003	KD9E	05	271	6.0	1	Anh	
21	000176	0901020186	Ngô Thị Ngọc	Ánh	07/04/2003	KD9E	05	272	4.3	1	Ánh	
22	000177	0901020403	Phạm Thị Ngọc	Ánh	16/08/2003	KD9E	05	273	5.5	1	Ánh	HP
23	000178	0901020761	Võ Thị Quỳnh	Chi	29/12/2003	KD9E	05	274	6.5	1	Chi	
24	000179	0901020728	Hà Hồng	Duyên	13/06/2003	KD9E	05	275	6.0	1	Duyên	
25	000180	0901020721	Đặng Thúy	Hà	24/04/2003	KD9E	05	276	5.0	1	Hà	
26	000181	0901020627	Hoàng Hải	Hà	28/11/2003	KD9E	05	277	6.0	1	Hà	
27	000182	0901020502	Trần Thị Thu	Hà	17/08/2003	KD9E	05	278	5.0	1	Hà	
28	000183	0901020739	Nguyễn Thị Vân	Hằng	03/01/2003	KD9E	05	279	8.8	1	Hằng	
29	000184	0901020503	Đỗ Thị	Hoa	07/03/2003	KD9E	05					HP,ĐK
30	000185	0901020908	Kim Phương	Hoài	13/10/2003	KD9E	05	280	7.3	1	Hoài	
31	000186	0901020488	Nguyễn Thanh	Hoài	13/06/2003	KD9E	05	281	7.4	1	Hoài	

Ngày 31 tháng 5 Năm 2023

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 34
Tổng số biên bản:.....

Cán bộ coi thi 1

Ninh Thị Yến

Cán bộ coi thi 2

Đinh Thu Trang

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 7
Giảng đường: A13_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000187	0901020968	Trần Mạnh	Hùng	13/09/2003	KD9E	05	1	2,5	01	Hùng	lẻ
2	000188	0901020487	Phùng	Hưng	06/12/2003	KD9E	05	2	3,8	01	Hưng	chẵn
3	000189	0901020241	Trần Thị Việt	Hường	08/10/2003	KD9E	05	3	2,5	01	Hường	lẻ
4	000190	0901020886	Lê Ngọc	Huyền	22/08/2003	KD9E	05	4	8,8	01	Huyền	chẵn
5	000191	0901020821	Nguyễn Thị Mai	Liên	11/10/2003	KD9E	05	5	5,3	01	Liên	lẻ
6	000192	0901020099	Nguyễn Phương	Linh	04/10/2003	KD9E	05	6	mốt	01	Linh	chẵn
7	000193	0901060455	Vũ Thị Kim	Loan	31/03/2003	KD9E	05	7	4,5	01	Loan	lẻ
8	000194	~~0901020392~~	~~Nguyễn Thị~~	~~Ly~~	~~09/12/2003~~	~~KD9E~~	~~05~~					HP
9	000195	0901020690	Phạm Thị	Mai	24/05/2003	KD9E	05	8	7,8	01	Mai	lẻ
10	000196	0901020955	Phạm Xuân	Mai	21/08/2003	KD9E	05	9	4,5	01	Mai	chẵn
11	000197	0901030624	Quách Thị	My	06/06/2003	KD9E	05	10	6,5	01	My	lẻ
12	000198	0901020670	Nguyễn Thị Thu	Ngân	29/01/2003	KD9E	05	11	7,0	01	Ngân	chẵn
13	000199	0901020106	Trần Hải	Ngọc	10/08/2002	KD9E	05	12	5,0	01	Ngọc	lẻ
14	000200	0901020853	Lục Ái	Như	10/06/2003	KD9E	05	13	5,5	01	Như	chẵn
15	000201	0901030178	Trần Hồng	Nhung	17/12/2003	KD9E	05	14	5,3	01	Nhung	lẻ
16	000202	0901030568	Hoàng Hải	Ninh	24/09/2003	KD9E	05	15	1,5	01	Ninh	chẵn
17	000203	0901020499	Nguyễn Minh	Phương	12/08/2003	KD9E	05	16	4,0	01	Phương	lẻ
18	000204	0901020290	Nguyễn Thị Thúy	Phương	27/12/2003	KD9E	05	17	7,0	01	Phương	chẵn
19	000205	0901020316	Nguyễn Minh	Quân	23/09/2003	KD9E	05	18	6,8	01	Quân	lẻ
20	000206	0901020834	Chu Trần Hương	Quỳnh	18/09/2003	KD9E	05	19	3,5	01	Quỳnh	chẵn
21	000207	0901020379	Đào Phương	Thảo	17/11/2003	KD9E	05	20	4,5	01	Thảo	lẻ
22	000208	0901020191	Lê Phương	Thảo	18/05/2003	KD9E	05	21	2,8	01	Thảo	chẵn
23	000209	0901020437	Tô Phương	Thảo	14/04/2003	KD9E	05	22	7,0	01	Thảo	lẻ
24	000210	0901020084	Nguyễn Thị Thanh	Thư	06/02/2003	KD9E	05	23	6,3	01	Thư	chẵn
25	000211	0901030252	Nguyễn Thị Thanh	Thư	11/05/2003	KD9E	05	24	5,3	01	Thư	lẻ
26	000212	0901020529	Nguyễn Phương	Thúy	18/03/2003	KD9E	05	25	5,5	01	Thúy	chẵn
27	000213	0901020574	Đào Thu	Trang	13/10/2003	KD9E	05	26	7,3	01	Trang	lẻ
28	000214	0901020746	Lê Thị Huyền	Trang	15/09/2003	KD9E	05	27	1,5	01	Trang	chẵn
29	000215	0901020271	Lê Thùy	Trang	16/05/2003	KD9E	05	28	0,5	01	Trang	lẻ
30	000216	0901020929	Nguyễn Thị	Trang	04/06/2003	KD9E	05	29	7,8	01	Trang	chẵn
31	000217	0901020747	Nguyễn Thị Thu	Trang	27/03/2003	KD9E	05	30	3,0	01	Trang	HP

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

201 - 229

Phòng thi: 8
Giảng đường: A14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000218	0901020482	Trần Thị Thùy	Trang	28/02/2003	KD9E	05	201	6,8	1	Trang	chẵn
2	000219	0901020528	Trần Đỗ	Trung	04/05/2003	KD9E	05	202	4,5	1	Trung	lẻ
3	000220	0901040292	Đinh Văn	Tú	23/03/2003	KD9E	05	203	3,5	1	Tú	chẵn
4	~~000221~~	~~0810211014~~	~~Vũ Thị Minh~~	~~Hòa~~	~~26/04/2002~~	~~KD8B~~	~~06~~					ĐK
5	000222	0810211791	Vũ Thị Thúy	Hường	15/03/2002	KD8B	06	204	5,5	1	Hường	chẵn
6	000223	0810210118	Vũ Thị Thanh	Nhàn	25/05/2002	KD8B	06	205	5,5	1	Nhàn	lẻ
7	~~000224~~	~~0810211016~~	~~Bùi Thị Khánh~~	~~Thùy~~	~~09/10/2001~~	~~KD8C~~	~~06~~					ĐK
8	000225	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	06	206	8,0	1	Huệ	Lẻ
9	000226	0810211790	Nguyễn Văn	Minh	12/09/2002	KD8D	06	207	3,5	1	Minh	
10	000227	0810211788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2002	KD8D	06	208	0,5	Không	Thảo	lẻ
11	000228	0901020202	Đào Ngọc	Anh	09/10/2003	KD9G	06	209	4,0	1	Anh	chẵn
12	000229	0901020674	Nguyễn Hà	Anh	27/11/2003	KD9G	06	210	9,5	1	Anh	lẻ
13	000230	0901020573	Nguyễn Thị Lan	Anh	04/02/2003	KD9G	06	211	5,5	1	Anh	chẵn
14	000231	0901020636	Phạm Phương	Anh	07/09/2003	KD9G	06	212	8,5	1	Anh	lẻ
15	000232	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	06	213	2,0	1	Bình	chẵn
16	000233	0901020687	Nguyễn Phương	Chinh	14/10/2003	KD9G	06	214	8,5	1	Chinh	lẻ
17	000234	0901020393	Vũ Đỗ Hồng	Điệp	29/11/2003	KD9G	06	215	4,8	1	Điệp	Chẵn
18	000235	0901020308	Hoàng Bích	Duyên	21/05/2003	KD9G	06	216	8,0	1	Duyên	Lẻ
19	000236	0901020554	Đỗ Thị Thu	Hà	25/06/2003	KD9G	06	217	6,0	1	Hà	chẵn
20	000237	0901020757	Nguyễn Thu	Hằng	09/08/2003	KD9G	06	218	6,8	1	Hằng	lẻ
21	000238	0901020038	Lưu Thị Thu	Hạnh	13/03/2003	KD9G	06	219	8,0	1	Hạnh	chẵn
22	000239	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD9G	06	220	7,5	1	Hiếu	Lẻ
23	000240	0901020588	Phạm Thị Thu	Hoài	12/06/2003	KD9G	06	221	5,5	1	Hoài	Chẵn
24	000241	0901020300	Giáp Thị Thu	Hương	14/04/2000	KD9G	06	222	7,5	1	Hương	lẻ
25	000242	0901020879	Nguyễn Thu	Hương	27/03/2003	KD9G	06	223	4,0	1	Hương	chẵn
26	000243	0901060692	Đỗ Thị Thu	Huyền	14/10/2003	KD9G	06	224	9,0	1	Huyền	lẻ
27	000244	0901010293	Ma Tuấn	Khanh	20/06/2003	KD9G	06	225	5,0	1	Khanh	chẵn
28	000245	0901020860	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/01/2003	KD9G	06	226	9,0	1	Lan	lẻ
29	000246	0901020831	Phạm Thị	Liên	09/09/2003	KD9G	06	227	4,5	1	Liên	Chẵn
30	000247	0901020570	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/08/2003	KD9G	06	228	5,5	1	Linh	lẻ
31	000248	0901020598	Nguyễn Hải	Ly	25/11/2003	KD9G	06	229	4,5	1	Ly	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 29
Tổng số biên bản: 01

Ngày 31 tháng 05 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Thị Hằng

Đỗ Thị Thuyết Mai

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 9
Giảng đường: A17_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH 01 Khóa 9 THI HẾT HỌC PHẦN Kỳ 2 năm học 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000249	0901030057	Lưu Quang	Minh	29/07/2003	KD9G	Nam	06					
2	000250	0901020778	Lý Thị	My	22/02/2003	KD9G	Nữ	06					
3	000251	0901020412	Nguyễn Thị Thùy	Ngân	28/10/2003	KD9G	Nữ	06					HP.ĐK
4	000252	0901030813	Bùi Thị Tuyết	Nhi	12/01/2003	KD9G	Nữ	06					
5	000253	0901020597	Nguyễn Hai	Phương	11/09/2003	KD9G	Nữ	06					
6	000254	0901020824	Nguyễn Thu	Phương	26/08/2003	KD9G	Nữ	06					
7	000255	0901020869	Dương Tuyết	Quỳnh	24/04/2003	KD9G	Nữ	06					
8	000256	0901020071	Lê Thị Ngọc	Quỳnh	04/10/2003	KD9G	Nữ	06					
9	000257	0901010616	Trần Thị Như	Quỳnh	10/09/2003	KD9G	Nữ	06					
10	000258	0901020421	Đào Mạnh	Sơn	02/11/2003	KD9G	Nam	06					
11	000259	0901020649	Lương Thị Phương	Thao	06/04/2003	KD9G	Nữ	06					
12	000260	0901020578	Trần Hương	Thảo	14/01/2003	KD9G	Nữ	06					
13	000261	0901020196	Nguyễn Thanh	Toàn	18/10/2003	KD9G	Nam	06					
14	000262	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	Nữ	06					
15	000263	0901020330	Trương Hồ Huyền	Trang	22/09/2001	KD9G	Nữ	06					
16	000264	0901020963	Đinh Thanh	Tú	29/05/2003	KD9G	Nữ	06					
17	000265	0901020051	Nguyễn Văn	Tú	02/12/2003	KD9G	Nam	06					
18	000266	0901020617	Lê Phan Phương	Uyên	01/09/2003	KD9G	Nữ	06					
19	000267	0901020749	Trần Thao	Vân	01/08/2003	KD9G	Nữ	06					
20	000268	0810211164	Tạ Khánh	Huyền	24/12/2002	KD8C	Nam	07					
21	000269	0901020087	Đỗ Phương	Anh	02/01/2003	KD9H	Nữ	07					
22	000270	0901020167	Nguyễn Lan	Anh	08/11/2003	KD9H	Nữ	07					
23	000271	0901040693	Nguyễn Thị Lan	Anh	09/06/2003	KD9H	Nữ	07					
24	000272	0901010029	Vũ Thị Kim	Cúc	18/12/2003	KD9H	Nữ	07					
25	000273	0901020541	Nguyễn Ngọc	Diễm	24/10/2003	KD9H	Nữ	07					
26	000274	0901020800	Nguyễn Thị Thu	Duyên	24/01/2003	KD9H	Nữ	07					
27	000275	0901020626	Lê Thị	Hà	29/11/2003	KD9H	Nữ	07					
28	000276	0901020940	Phạm Minh	Hằng	13/03/2003	KD9H	Nữ	07					
29	000277	0901020342	Phạm Thu	Hằng	03/11/2003	KD9H	Nữ	07					
30	000278	0901020637	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/07/2003	KD9H	Nữ	07					
31	000279	0901020939	Nguyễn Thị Thao	Hiền	11/10/2003	KD9H	Nữ	07					

Tổng số sinh viên dự thi:.....
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày ... tháng ... Năm .....

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 10
Giảng đường: A20_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000280	0901020145	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	16/12/2003	KD9H	07	125	7.0	1	Hiếu	Chẵn
2	000281	0901020026	Phạm Thị Mai	Hoa	25/09/2003	KD9H	07	174	6.0	1	Hoa	Lẻ
3	000282	0901020453	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	25/10/2003	KD9H	07	125	7.0	1	Hoàn	Chẵn
4	000283	0901020532	Ngô Mai	Hương	10/11/2003	KD9H	07	176	8.0	1	Hương	Lẻ
5	000284	0901020542	Lê Thị Khánh	Huyền	22/11/2003	KD9H	07	177	5.5	1	Huyền	Chẵn
6	000285	0901020199	Đỗ Xuân	Huỳnh	20/10/2003	KD9H	07	178	7.5	1	Huỳnh	Lẻ
7	000286	0901020633	Đỗ Lê	Khánh	23/12/2003	KD9H	07	179	4.5	1	Khánh	chẵn
8	000287	0901020891	Nguyễn Ngọc	Lan	20/11/2003	KD9H	07	180	6.0	1	Lan	Lẻ
9	000288	0901020258	Chu Thị Thùy	Linh	06/02/2003	KD9H	07	181	4.3	1	Linh	chẵn
10	000289	0901020095	Huỳnh Diệu	Linh	07/11/2003	KD9H	07	182	7.0	1	Linh	Lẻ
11	000290	0901020313	Phạm Hải	Lý	26/02/2002	KD9H	07	183	4.5	1	Lý	chẵn
12	000291	0901020078	Nguyễn Nhật	Minh	05/10/2002	KD9H	07	184	2.0	1	Minh	Lẻ
13	000292	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	07	185	4.5	1	Nam	Chẵn
14	000293	0901020321	Phạm Thị Kim	Ngân	02/10/2003	KD9H	07	186	7.0	1	Ngân	Lẻ
15	000294	0901020472	Hà Kiều	Nhi	05/09/2003	KD9H	07	187	6.0	1	Nhi	Chẵn
16	000295	0901030581	Phạm Hồng	Phương	03/12/2003	KD9H	07	188	5.5	1	Phương	Lẻ
17	000296	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	07	189	4.5	1	Phương	Chẵn
18	000297	0901020397	Phạm Thị	Phượng	21/02/2003	KD9H	07	190	7.5	1	Phượng	Lẻ
19	000298	0901020469	Nguyễn Như	Quỳnh	03/08/2003	KD9H	07	191	7.5	1	Quỳnh	Chẵn
20	000299	0901020793	Phan Thị	Thắm	16/07/2003	KD9H	07	192	7.5	1	Thắm	Lẻ
21	000300	0901010755	Bùi Thị	Thảo	21/01/2003	KD9H	07	193	8.0	1	Thảo	Chẵn
22	000301	0901020353	Đỗ Thị	Thảo	23/02/2003	KD9H	07	194	5.5	1	Thảo	Lẻ
23	000302	0901020157	Nguyễn Hoàng Phư	Thảo	22/08/2003	KD9H	07	195	4.8	1	Thảo	Chẵn
24	000303	0901020565	Vũ Phương	Thảo	24/03/2003	KD9H	07	196	8.8	1	Thảo	Lẻ
25	000304	0901020320	Phạm Thanh	Thư	09/05/2003	KD9H	07					HP.ĐK
26	000305	0901020155	Nguyễn Thị Huyền	Trang	02/01/2003	KD9H	07	197	8.8	1	Trang	Lẻ
27	000306	0901020190	Võ Thùy	Trang	29/10/2003	KD9H	07	198	8.8	1	Trang	Chẵn
28	000307	0901020773	Trần Anh	Tuấn	08/10/2003	KD9H	07	199	5.0	1	Tuấn	Lẻ
29	000308	0901020234	Nguyễn Thị	Uyên	14/12/2003	KD9H	07					HP.ĐK
30	000309	0901060463	Phạm Thị	Uyên	04/04/2003	KD9H	07	200	7.0	1	Uyên	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 01

Ngày 31 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Phan Thị Hải

Cán bộ coi thi 2

Hoàng Tiến Dũng

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 11
Giảng đường: B2_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000310	0901030549	Đỗ Thị	Vui	26/02/2003	KD9H	07	313	5,5	1	Vui	chẵn
2	000311	0901060388	Nguyễn Minh	Anh	30/06/2003	KD9K	08	314	4,5	1	Anh	lẻ
3	000312	0901020426	Quân Thị Vân	Anh	26/11/2003	KD9K	08	315	6,5	1	Anh	chẵn
4	000313	0901020801	Phạm Thị	Châm	11/03/2003	KD9K	08	316	6,5	1	Châm	lẻ
5	000314	0901060257	Nguyễn Thị Tuyết	Chinh	22/03/2003	KD9K	08	317	5,0	1	chinh	chẵn
6	000315	0901020333	Hà Thúy	Diệp	06/05/2003	KD9K	08	318	5,0	1	Diệp	lẻ
7	000316	0901020445	Lê Thùy	Dung	13/04/2003	KD9K	08	319	6,5	1	Dy	chẵn
~~8~~	~~000317~~	~~0901010994~~	~~Đỗ Hữu~~	~~Dũng~~	~~15/07/2001~~	~~KD9K~~	~~08~~					HP.ĐK
9	000318	0901020774	Hoàng Thị Thùy	Dương	09/10/2003	KD9K	08	320	7,5	1	Dương	chẵn
10	000319	0901020551	Hoàng Hương	Giang	21/09/2003	KD9K	08	321	5,5	01		lẻ
11	000320	0901020346	Nguyễn Thị Hương	Giang	28/12/2003	KD9K	08	322	7,0	01	Giang	chẵn
12	000321	0901020845	Nguyễn Thu	Giang	25/02/2003	KD9K	08	324	5,5	01	Giang	lẻ
13	000322	0901060005	Nguyễn Hữu	Hào	26/11/2003	KD9K	08	323	6,5	01	Hào	chẵn
14	000323	0901020642	Đinh Thị	Hậu	04/10/2003	KD9K	08	324	5,0	01	Hậu	lẻ
15	000324	0901020232	Trịnh Minh	Hiếu	15/12/2003	KD9K	08	325	5,5	01	Hiếu	chẵn
16	000325	0901020110	Nguyễn Huy	Hoàng	29/10/2003	KD9K	08	325	6,0	01		lẻ
17	000326	0901020513	Nguyễn Thanh	Hương	21/08/2003	KD9K	08	326	5,0	01	Hương	chẵn
18	000327	0901020751	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/02/2003	KD9K	08	327	7,0	01	Huyền	lẻ
19	000328	0901020407	Lê Kim	Khánh	04/10/2003	KD9K	08	328	5,0	01	Khánh	Chẵn
20	000329	0901020242	Bùi Thị	Linh	01/12/2003	KD9K	08	329	8,3	01	Linh	lẻ
21	000330	0901020863	Đỗ Thùy	Linh	08/04/2002	KD9K	08	330	6,0	01	Linh	Chẵn
22	000331	0901020260	Đỗ Thùy	Linh	27/07/2003	KD9K	08	331	7,5	01	Linh	lẻ
23	000332	0901020613	Nguyễn Thanh	Loan	31/12/2003	KD9K	08	332	6,0	01	Loan	chẵn
24	000333	0901020980	Hoàng Văn	Minh	04/09/2002	KD9K	08	333	7,0	01	Minh	lẻ
25	000334	0901020622	Nguyễn Thị Phương	Minh	04/11/2003	KD9K	08	334	5,5	01	Minh	chẵn
26	000335	0901020277	Bùi Thị	Nga	09/09/2002	KD9K	08	335	5,0	01	Nga	lẻ
27	000336	0901020615	Vương Hồng Thúy	Ngân	12/04/2003	KD9K	08	336	7,0	01	Ngân	chẵn
28	000337	0901010210	Lê Nguyễn Phương	Nhi	17/12/2003	KD9K	08	337	5,0	01	Nhi	Lẻ
29	000338	0901020109	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	19/07/2003	KD9K	08	338	6,0	01	Nhung	Chẵn
30	000339	0901020438	Lê Tấn	Phát	01/01/2003	KD9K	08	339	6,5	1		lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 05 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Đỗ Thị Hường

Cán bộ coi thi 2

Lê Thị Hường

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 12
Giảng đường: B4_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000340	0901020791	Nguyễn Phương	Quỳnh	29/07/2003	KD9K	08	432	7,0	1	Quỳnh	
2	000341	0901020066	Đặng Hồng	Thắm	04/03/2003	KD9K	08	433	3,5	1	Thắm	
3	000342	0901020505	Nguyễn Phương	Thảo	18/04/2003	KD9K	08	434	7,5	1	Thảo	
4	000343	0901020126	Trần Thị Minh	Thư	05/01/2003	KD9K	08	435	6,0	1	Thư	
5	000344	0901020921	Cáp Thị Thanh	Tiệp	12/02/2003	KD9K	08	436	5,5	1	Tiệp	
6	000345	0901030851	Bùi Thị	Trang	13/12/2002	KD9K	08	437	6,5	1	Trang	
7	000346	0901020382	Đỗ Thu	Trang	04/03/2003	KD9K	08	438	3,5	1	Trang	
8	000347	0901020714	Nguyễn Thị Thu	Trang	22/05/2003	KD9K	08	439	4,3	1	Trang	
9	000348	0901010042	Vũ Huyền	Trang	14/12/2003	KD9K	08	440	7,5	1	Trang	
10	000349	0901020112	Lê Việt	Trinh	28/08/2001	KD9K	08	441	7,5	1	Trinh	
11	000350	0901020898	Nguyễn Vũ Thanh	Tùng	30/12/2003	KD9K	08	442	8,0	1	Tùng	
12	000351	0901020680	Trần Duy	Tùng	12/07/2003	KD9K	08	443	5,3	1	Tùng	
13	000352	0901020496	Nguyễn Thị	Xuân	23/04/2003	KD9K	08	444	4,8	1	Xuân	
14	000353	0901020297	Hà Phương	Anh	21/02/2003	KD9M	09	445	5,3	1	Anh	
15	000354	0901020288	Nguyễn Ngọc	Anh	09/06/2003	KD9M	09	446	6,3	1	Anh	
16	000355	0901020844	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	06/10/2003	KD9M	09	447	6,8	1	Anh	
17	000356	0901020049	Trần Mỹ	Anh	27/04/2003	KD9M	09					ĐK
18	000357	0901020474	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	07/07/2003	KD9M	09	448	8,0	01	Ánh	
19	000358	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	09	449	4,8	01	Chi	
20	000359	0901030326	Phạm Thị	Doãnh	07/07/2003	KD9M	09	450	5,8	01	Doãnh	
21	000360	0901020075	Lê Thị Thùy	Dương	18/06/2003	KD9M	09	451	6,0	1	Dương	
22	000361	0901020310	Chu Thị	Hải	15/11/2003	KD9M	09	452	4,8	1	Hải	
23	000362	0901020543	Đào Thu	Hiền	27/01/2003	KD9M	09	453	7,3	1	Hiền	
24	000363	0901020930	Nguyễn Thị Thu	Hiền	18/12/2003	KD9M	09	454	6,5	1	Hiền	
25	000364	0901010685	Bùi Tuyết	Hoa	31/07/2003	KD9M	09	455	6,8	1	Hoa	
26	000365	0901020890	Lê Thị Hồng	Hoa	24/05/2003	KD9M	09	456	5,5	1	Hoa	
27	000366	0901020443	Trần Thanh	Hoàng	21/02/2003	KD9M	09	457	7,5	1	Hoàng	
28	000367	0901020304	Nguyễn Thị Thu	Hồng	06/06/2003	KD9M	09	458	3,0	1	Hồng	
29	000368	0901020484	Nguyễn Thị Quỳnh	Hương	06/09/2003	KD9M	09	459	6,3	1	Hương	
30	000369	0901020654	Nguyễn Thu	Huyền	06/02/2003	KD9M	09	460	5,5	1	Huyền	

Tổng số sinh viên dự thi: 29
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày 5 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Nguyễn Thị Đào

Cán bộ coi thi 2

Phạm Thị Thanh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

84 – 199

Phòng thi: 13
Giảng đường: B6_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000370	0901020272	Trần Hoàng	Khánh	03/10/2003	KD9M	09	84	6,5	1	Khánh	Chẵn
2	000371	0901020068	Hà Huyền	Linh	16/01/2003	KD9M	09	85	3,0	1	Linh	Lẻ
3	000372	0901020861	Nguyễn Thị	Linh	04/07/2003	KD9M	09	86	4,2	1	Linh	Chẵn
4	000373	0901020306	Nguyễn Thiện	Lộc	19/04/2003	KD9M	09	87	4,0	1	Lộc	Lẻ
5	000374	0901030080	Đoàn Thị Ngọc	Mai	15/12/2003	KD9M	09	88	6,0	1	Mai	Chẵn
6	000375	0901020497	Đào Ngọc	Minh	24/11/2003	KD9M	09	89	2,5	1	Minh	Lẻ
7	000376	0901020658	Nguyễn Trọng	Minh	12/07/2003	KD9M	09	90	3,3	1	Minh	Chẵn
8	000377	0901020842	Ngô Thị Phương	Nga	31/03/2003	KD9M	09	91	7,0	1	Nga	Lẻ
9	000378	0901020114	Trần Thị Kim	Nghĩa	11/04/2003	KD9M	09	92	4,5	1	Nghĩa	Chẵn
10	000379	0901020671	Chu Thị Hồng	Nhung	07/12/2003	KD9M	09	93	8,8	1	NHung	Lẻ
11	000380	0901060567	Lê Hồng	Phong	13/07/2003	KD9M	09	94	4,0	1	Phong	Chẵn
12	000381	0901020790	Vũ Mai	Phương	24/06/2003	KD9M	09	95	5,0	1	Phương	Lẻ
13	000382	0901020467	Hoàng Thị Tâm	Thanh	20/12/2003	KD9M	09	96	7,5	1	Thanh	Chẵn
14	000383	0901020828	Đoàn Hương	Thảo	01/06/2003	KD9M	09	97	6,5	1	Thảo	Lẻ
15	000384	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	09	98	5,0	1	Thảo	Chẵn
16	000385	0901020827	Nguyễn Thị	Thảo	27/10/2003	KD9M	09	99	8,0	1	Ng.Thảo	Lẻ
17	000386	0901020136	Ngô Xuân	Thức	07/03/2003	KD9M	09	100	3,5	1	Thức	Chẵn
18	000387	0901020893	Đoàn Lãnh	Thúy	26/08/2003	KD9M	09	101	7,5	01	Thúy	Lẻ
19	000388	0901020486	Bùi Thị Ngọc	Trâm	24/12/2003	KD9M	09	102	7,0	1	Trâm	Chẵn
~~20~~	~~000389~~	~~0901030684~~	~~Đỗ Thu~~	~~Trang~~	~~25/03/2003~~	~~KD9M~~	~~09~~					~~HP,ĐK~~
21	000390	0901020329	Nguyễn Thùy	Trang	28/05/2003	KD9M	09	103	7,0	1	Trang	Chẵn
22	000391	0901020303	Phan Thị Huyền	Trang	04/10/2003	KD9M	09	104	4,5	1	Trang	Lẻ
23	000392	0901020383	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	12/02/2003	KD9M	09	105	4,0	1	Tú	Chẵn
24	000393	0901020743	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	03/03/2003	KD9M	09	106	7,0	1	Tuyết	Lẻ
25	000394	0901020268	Đặng Thanh	Vân	16/12/2003	KD9M	09	107	5,0	1	Vân	Chẵn
26	000395	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	09	108	3,5	1	Vũ	Lẻ
27	000396	0901020318	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	19/09/2003	KD9M	09	109	4,5	1	Xuân	Chẵn
28	000397	0901020936	Phạm Lê Nhật	An	30/10/2003	KD9N	10	110	3,0	1	An	Lẻ
29	000398	0901020166	Hoàng Minh Tuấn	Anh	06/04/2003	KD9N	10	111	3,3	1	Anh	Chẵn
~~30~~	~~000399~~	~~0901030135~~	~~Lã Hải~~	~~Anh~~	~~24/09/2003~~	~~KD9N~~	~~10~~					~~HP.ĐK~~

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 0

Ngày 31 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Trần Thị Lý

Cán bộ coi thi 2

Phùng Phi Mai

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 14
Giảng đường: B10_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000400	0901020034	Nguyễn Thị Phương	Anh	07/07/2003	KD9N	10	461	1.3	1		Chẵn
2	000401	0901020927	Nguyễn Ngọc	Ánh	17/04/2003	KD9N	10	462	7.0	1		Lẻ
3	000402	0901020785	Nguyễn Linh	Chi	26/08/2003	KD9N	10	[illegible]	4.5	1	Chi	Chẵn
4	000403	0901020585	Nguyễn Thanh	Chúc	17/04/2003	KD9N	10					HP,ĐK
5	000404	0901030244	Nguyễn Thị	Diễm	27/12/2003	KD9N	10	464	5.5	1		Chẵn
6	000405	0901020152	Nguyễn Ngọc	Dung	03/12/2003	KD9N	10	465	7.5	1	Dung	Lẻ
7	000406	0901020360	Mai Tùng	Dương	30/10/2003	KD9N	10	466	3.8	1	Dương	Chẵn
8	000407	0901020446	Nguyễn Thị Hương	Giang	07/11/2003	KD9N	10	467	8.0	1	Giang	Lẻ
9	000408	0901020335	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	04/11/2003	KD9N	10	468	10-0	1	Hà	Chẵn
10	000409	0901030331	Vũ Thị Mỹ	Hảo	26/09/2003	KD9N	10	469	3.5	1	Hảo	Lẻ
11	000410	0901020142	Lê Thị Thúy	Hiền	13/02/2003	KD9N	10	470	5.0	1	Hiền	Chẵn
12	000411	0901020852	Vũ Mạnh	Hiếu	24/08/2003	KD9N	10					HP,ĐK
13	000412	0901020411	Hoàng Thị	Huệ	05/04/2003	KD9N	10	471	5.0	1	Huệ	Chẵn
14	000413	0901020691	Phan Thùy	Hương	27/04/2003	KD9N	10	472	3.3	1	Hương	Lẻ
15	000414	0901020213	Phạm Thị	Huyền	19/01/2003	KD9N	10	473	4.8	1	Huyền	Chẵn
16	000415	0901020750	Lê Thị Hương	Lan	21/04/2003	KD9N	10	474	6.8	1	Lan	Lẻ
17	000416	0901010327	Nguyễn Thị	Liên	06/11/2003	KD9N	10					HP,ĐK
18	000417	0901020918	Bùi Thị Phương	Linh	19/11/2003	KD9N	10	475	8.0	1	Linh	Lẻ
19	000418	0901020880	Nguyễn Thị	Luyến	02/01/2003	KD9N	10	476	4.5	1	[illegible]	Chẵn
20	000419	0901020192	Đỗ Ngọc	Mai	21/10/2003	KD9N	10	477	7.0	1	Mai	Lẻ
21	000420	0901020701	Trịnh Thị Ngọc	Minh	19/11/2003	KD9N	10	478	6.6	1	Minh	Chẵn.
22	000421	0901030225	Đinh Thị	Mỹ	01/07/2003	KD9N	10	479	7.5	1	Mỹ	Lẻ.
23	000422	0901030226	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	01/04/2003	KD9N	10	480	4.8	1	Nga	Chẵn
24	000423	0901020256	Bùi Trọng Bảo	Ngọc	26/10/2003	KD9N	10	481	3.5	1	Ngọc	Lẻ
25	000424	0901020170	Đào Hồng	Nhung	12/01/2003	KD9N	10	482	4.5	1	Nhung	Lẻ chẵn
26	000425	0901020432	Nguyễn Lâm	Oanh	28/08/2003	KD9N	10	483	1.0	1	Oanh	Lẻ. Lẻ
27	000426	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	10	484	5.0	1	Phúc	Chẵn
28	000427	0901020209	Vương Thị	Phương	18/10/2003	KD9N	10	485	7.3	1	Phương	Lẻ
29	000428	0901020830	Nguyễn Thị Khánh	Quỳnh	02/09/2003	KD9N	10	486	2.5	1	Quỳnh	Lẻ chẵn
30	000429	0901020641	Đặng Thị	Thanh	16/02/2003	KD9N	10	487	8.0	1	Thanh	Lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 30
Tổng số tờ giấy thi: 30
Tổng số biên bản: 1

Ngày 5 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

57 - 83

Phòng thi: 15
Giảng đường: B14_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
~~1~~	~~000430~~	~~0901020979~~	~~Chu Phương~~	~~Thảo~~	~~20/06/2003~~	~~KD9N~~	~~10~~					~~HP,ĐK~~
2	000431	0901030074	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/2003	KD9N	10	56	6,0	1	Thảo	lẻ
3	000432	0901020017	Nguyễn Thị Thu	Thảo	19/07/2003	KD9N	10	57	4,8	1	Thảo	chẵn
4	000433	0901020367	Nguyễn Thị	Thơ	30/09/2003	KD9N	10	58	7,5	1	Thơ	lẻ
5	000434	0901020819	Phan Thị	Thơ	08/06/2003	KD9N	10	59	7,0	1	Thơ	Chẵn
6	000435	0901020645	Nguyễn Thị Hoài	Thương	17/05/2003	KD9N	10	60	7,8	1	Thương	lẻ
7	000436	0901020315	Hoàng Thị Thủy	Tiên	27/10/2002	KD9N	10	61	4,6	1	Tiên	Chẵn
8	000437	0901020494	Hoàng Thanh	Trà	02/07/2003	KD9N	10	62	8,5	1	Trà	Lẻ
9	000438	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	10	63	2,5	1	Trang	Chẵn.
~~10~~	~~000439~~	~~0901010899~~	~~Nguyễn Thị Huyền~~	~~Trang~~	~~18/11/2003~~	~~KD9N~~	~~10~~					~~HP,ĐK~~
11	000440	0901020030	Nguyễn Thùy	Trang	17/12/2003	KD9N	10	64	3,6	1	Trang	Chẵn
12	000441	0901020933	Bành Thanh	Tú	18/02/2003	KD9N	10	65	7,3	1	Tú	lẻ
13	000442	0901020591	Hoàng Hải	Vân	04/09/2003	KD9N	10	66	7,7	1	Vân	chẵn
14	000443	0901030243	Lê Hồng	Vân	13/09/2003	KD9N	10	67	8,3	1	Vân	lẻ
15	000444	0901020705	Nguyễn Hải	Yến	08/12/2003	KD9N	10	68	3,0	1	Yến	chẵn
16	000445	0810210096	Vương Thị Diệu	Linh	30/08/2002	KD8D	11	70	5,0	1	Linh	lẻ
17	000446	0901070539	Bùi Thị Phương	Dung	30/06/2003	KL9A	11	69	9,5	1	Dung	chẵn
18	000447	0901070650	Vũ Thị Thu	Hiền	01/12/2003	KL9A	11	71	8,3	1	Hiền	lẻ
19	000448	0901070462	Lê Hoàng	Linh	18/12/2003	KL9A	11	72	3,3	1	Linh	chẵn
20	000449	0901070938	Trần Thế	Sơn	21/01/2003	KL9A	11	73	8,0	1	Sơn	lẻ
21	000450	0901070139	Trần Hoàng	Anh	03/07/2003	QL9A	11	74	5,2	1	Anh	chẵn
22	000451	0901010794	Phạm Duy	Bách	09/12/2003	QL9A	11	75	7,0	1	Bách	Lẻ
23	000452	0901020094	Đỗ Văn	Bình	19/10/2003	QL9A	11	76	7,0	1	Bình	Chẵn
24	000453	0901040766	Hoàng Minh	Châu	15/12/2003	QL9A	11	77	8,5	1	Châu	Lẻ
25	000454	0901070485	Phạm Khánh	Chi	13/10/2003	QL9A	11	78	3,5	1	Chi	chẵn
26	000455	0901070240	Nguyễn Vũ	Đức	15/12/2003	QL9A	11	79	6,3	1	Đức	lẻ
27	000456	0901070609	Trần	Hoàn	09/07/2003	QL9A	11	80	7,0	1	Hoàn	Chẵn
28	000457	0901070735	Trần Ngọc	Linh	14/07/2003	QL9A	11	81	2,5	1	Linh	HP Cấm thi
29	000458	0901070552	Vũ Thùy	Linh	16/09/2003	QL9A	11	82	3,5	1	Linh	Chẵn
30	000459	0901080877	Phạm Thị Tố	Nga	02/10/2003	QL9A	11	83	8,0	1	Nga	lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 28
Tổng số tờ giấy thi: 28
Tổng số biên bản: 0

Ngày 21 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Đ Thị Huyền Thanh

Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Hường

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 16
Giảng đường: B15_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000460	0901020954	Lương Đức	Thao	20/11/2003	QL9A	11	230	4,0	1	Thao	Chẵn
2	000461	0901070772	Đào Việt	Tuấn	10/05/2003	QL9A	11					ĐK
3	000462	0901070788	Trương Thị	Uyên	01/05/2003	QL9A	11	231	6,0	1	Uyên	Chẵn
4	000463	0710311332	Lê Khánh	Toàn	22/10/2001	QT7A	11					HP,ĐK
5	000464	0901080639	Bùi Lan	Anh	15/07/2003	TM9A	12	232	4,0	1	Anh	Chẵn
6	000465	0901080648	Mai Yến	Anh	11/06/2003	TM9A	12	233	8,5	1	Anh	lẻ
7	000466	0901020812	Nguyễn Thị Tú	Anh	16/09/2003	TM9A	12	234	4,0	1	Anh	chẵn
8	000467	0901080709	Phạm Thị Vân	Anh	25/05/2003	TM9A	12	235	8,5	1	Anh	lẻ
9	000468	0901080876	Phùng Nguyễn Tú	Anh	27/09/2003	TM9A	12	236	7,0	1	Anh	chẵn
10	000469	0901080534	Công Phương Uyển	Chi	22/06/2003	TM9A	12	237	8,3	1	Chi	lẻ
11	000470	0901080356	Đỗ Thị	Chinh	08/02/2003	TM9A	12	238	3,5	1	Chinh	chẵn
12	000471	0901080375	Phạm Tiến	Cường	16/03/2003	TM9A	12	239	7,8	1	Cường	lẻ
13	000472	0901080176	Nguyễn Huyền	Đức	01/07/2000	TM9A	12	240	5,5	1	Đức	chẵn
14	000473	0901080444	Ngô Thị	Dương	22/09/2003	TM9A	12	241	8,8	1	Dương	lẻ
15	000474	0901080373	Nguyễn Ánh	Dương	19/08/2003	TM9A	12	242	7,5	1	Dương	chẵn
16	000475	0901080856	Nguyễn Thị Thu	Hà	18/12/2003	TM9A	12	243	8,5	1	Thu Hà	lẻ
17	000476	0901080517	Đào Thu	Hảo	10/06/2003	TM9A	12	244	5,5	1	Hảo	chẵn
18	000477	0901080612	Dương Thị Thúy	Hiền	28/10/2003	TM9A	12	245	7,8	1	Hiền	Lẻ
19	000478	0901080343	Nguyễn Thị Phú	Hoa	13/11/2003	TM9A	12	246	3,0	1	Hoa	chẵn
20	000479	0901080948	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	22/07/2003	TM9A	12	247	8,8	1	Hoa	lẻ
21	000480	0901080956	Vũ Thị	Hoa	12/04/2002	TM9A	12	248	6,8	1	Hoa	chẵn
22	000481	0901080953	Trần Thị Bích	Huyên	13/12/2002	TM9A	12	249	8,0	1	Huyên	lẻ
23	000482	0901080460	Nguyễn Thị Hoàng	Lê	16/09/2003	TM9A	12	250	7,8	1	Lê	chẵn
24	000483	0901080262	Bùi Quang	Linh	21/03/2003	TM9A	12					HP,ĐK
25	000484	0901080023	Trần Đức	Lực	27/06/2003	TM9A	12	251	5,5	1	Lực	chẵn
26	000485	0901070873	Nguyễn Trà	My	13/09/2003	TM9A	12	252	3,0	1	My	HP lẻ

Tổng số sinh viên dự thi: 23
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày 21 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Bùi Thị Mùng

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Hoàn Thanh

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

31 - 55

Phòng thi: 17
Giảng đường: B16_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K9 THI HẾT HỌC PHẦN HK2 2022-2023

Học phần: Soạn thảo văn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000486	0901080439	Vũ Trà	My	21/01/2003	TM9A	12	31	7,3	01	My	
2	000487	0901080283	Nguyễn Thanh	Nam	10/04/2003	TM9A	12	32	6,3	01	Nam	
3	000488	0901080775	Nguyễn Hồng	Ngọc	29/11/2003	TM9A	12	33	4,0	01	Ngọc	chẵn
4	000489	0901080820	Trần Thu	Nguyệt	18/12/2003	TM9A	12	34	7,0	01	Nguyệt	lẻ
5	000490	0901080969	Phạm Thanh	Nhàn	01/01/2003	TM9A	12	35	8,0	01	Nhàn	chẵn
6	000491	0901080091	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/02/2003	TM9A	12	36	7,0	01	Nhung	Lẻ
7	000492	0901080848	Vũ Thị Trang	Nhung	12/02/2003	TM9A	12	37	5,0	01	Nhung	chẵn
8	000493	0901080867	Trần Thị Mai	Phương	29/08/2003	TM9A	12	38	6,5	01	Phương	lẻ
9	000494	0901080175	Đào Nguyễn Hồng	Quân	04/12/2003	TM9A	12	39	8,5	01	Quân	Chẵn
10	000495	0901080841	Tòng Văn	Quốc	14/08/2003	TM9A	12	40	4,3	01		Chẵn lẻ
11	000496	0901080555	Đặng Phương	Thảo	25/01/2003	TM9A	12	41	7,0	01		chẵn
12	000497	0901080810	Nguyễn Phương	Thảo	30/06/2003	TM9A	12	42	6,0	01		lẻ
13	000498	0901080970	Nguyễn Mạnh	Thiện	27/06/1993	TM9A	12	43	5,0	01		chẵn
14	000499	0901030621	Nguyễn Xuân	Thu	23/03/2003	TM9A	12	44	4,8	01	Thu	lẻ
15	000500	0901080442	Vũ Thị	Trà	14/12/2003	TM9A	12	45	8,0	01	Trà	Chẵn
16	000501	0901030461	Đặng Thị	Trang	11/06/2003	TM9A	12	46	4,8	01	Trang	Lẻ
17	000502	0901080450	Đỗ Thị Huyền	Trang	29/05/2003	TM9A	12	47	7,0	01	Trang	Chẵn
18	000503	0901080509	Nguyễn Thị Hồng	Trang	13/01/2003	TM9A	12	48	6,0	01	Trang	lẻ
19	000504	0901080431	Nguyễn Thị Thùy	Trang	19/08/2003	TM9A	12	49	7,3	01	Trang	Chẵn
20	000505	0901080216	Lê Quang	Trường	25/08/2003	TM9A	12	50	5,5	01	Trường	lẻ
21	000506	0901080010	Lê Thị	Tuyền	18/08/2003	TM9A	12	51	6,8	01	Tuyền	Chẵn
22	000507	0901080604	Đới Thị	Vân	07/02/2003	TM9A	12	52	6,0	01	Vân	lẻ
23	000508	0901080632	Phan Hà	Vy	23/09/2003	TM9A	12	53	7,8	01	Vy	chẵn
24	000509	0901080889	Nguyễn Hải	Yến	15/09/2003	TM9A	12	54	6,8	01	Yến	Lẻ
25	000510	0901080582	Nguyễn Hồng	Yến	08/10/2003	TM9A	12	55	3,5	01	Yến	chẵn

Tổng số sinh viên dự thi: 25
Tổng số tờ giấy thi: 25
Tổng số biên bản: 1

Ngày 21 tháng 5 Năm 2023

Cán bộ coi thi 1

Luyện T. Dung

Cán bộ coi thi 2

Ng Thị Hồng Thúy